BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

GIÁO TRÌNH

DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG

ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG KHỐI KINH TẾ

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

GIÁO TRÌNH DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG KHỐI KINH TẾ

(Tái bản lần thứ sáu)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục đại học theo hướng bổ sung những kiến thức cơ bản, cập nhật với tiến bộ khoa học, công nghệ, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm nước ngoài một cách có chọn lọc, những năm gần đây môn Kinh tế Vĩ mô và môn Kinh tế Vi mô đã được đưa vào chương trình đào tạo cử nhân kinh tế. Để đảm bảo tính khoa học và định hướng chính trị của hai môn học phù hợp với điều kiện nước ta, với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định số 2642/GD-ĐT ngày 3-8-1995 thành lập Hội đồng tư vấn về giáo dục môn Kinh tế học để thẩm định một số giáo trình Kinh tế Vĩ mô, Kinh tế Vi mô hiện có và đề xuất với Bộ phương hướng chỉ đạo việc dạy và học các môn học này trong toàn ngành.

Sau quá trình làm việc với tinh thần nghiêm túc khoa học, Hội đồng đã kiến nghị chọn và góp ý kiến hoàn chỉnh giáo trình của trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Đó là Kinh tế học Vĩ mô do Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Đình Bách chủ biên và Kinh tế học Vi mô do Giáo sư, Tiến sĩ khoa học Ngô Đình Giao chủ biên. Căn cứ vào kiến nghị của Hội đồng, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương cho xuất bản hai giáo trình này để các trường tham khảo sử dụng, rồi tiếp tục bổ sung sửa chữa hoàn chỉnh, tiến tới xây dựng giáo trình Kinh tế học Việt Nam.

Sau khi nhận được ý kiến đóng góp của các bạn đọc trong và ngoài ngành, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức hội thảo, sửa chữa, bổ sung để tái bản 2 cuốn giáo trình Kinh tế học Vĩ mô và Kinh tế học Vi mô lần này.

Tuy nhiên, vì thực tiễn kinh tế Việt Nam đang trong quá trình vận động và phát triển, chưa đủ các điều kiện để khái quát về mặt lý luận, chắc chắn khó tránh khỏi những sai sót. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được những ý kiến đóng góp để nội dung giáo trình ngày càng được hoàn chỉnh hơn.

Thư từ xin gửi về :

- Vụ Công tác Chính trị Bộ Giáo dục và Đào tạo - 49 Đại Cồ Việt - Hà Nội.

- Hoặc Nhà xuất bản Giáo dục, 81 Trần Hưng Đạo - Hà Nội.

VỤ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG 1

ĐẠI CƯƠNG VỀ KINH TẾ HỌC

Chương này cung cấp các khái niệm cơ bản và một số quy luật, công cụ phân tích quan trọng của kinh tế học hiện đại, nhằm giúp cho sinh viên có được kiến thức ban đầu về môn học.

I. KHÁI NIỆM, NHỮNG ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ HỌC

1. Khái niệm kinh tế học

Kinh tế học là môn học ra đời cách đây hơn hai thế kỷ. Từ đó đến nay, kinh tế học trải qua nhiều giai đoạn phát triển và cũng đã xuất hiện khá nhiều định nghĩa. Sau đây là một trong số định nghĩa thông dụng về kinh tế học được nhiều nhà kinh tế hiện nay thống nhất : "Kinh tế học là môn học nghiên cứu xem xã hội sử dụng như thế nào nguồn tài nguyên khan hiếm để sản xuất ra những hàng hóa cần thiết và phân phối cho các thành viên của xã hội"(1).

Kinh tế học là môn học nghiên cứu hoạt động của con người trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa. Kinh tế học có quan hệ chặt chẽ với nhiều môn khoa học xã hội khác như : Triết học, kinh tế chính trị học, sử học, xã hội học... Ngoài ra, trong số các môn học khác có

---

(1) *Economics*, Paul A. Samuelson and William D. Nordhaus, Thirteen Edition trang 5.

liên quan với kinh tế học, cần chú ý đặc biệt vai trò thống kê học.

Kinh tế học thường được chia thành hai phân ngành lớn : Kinh tế vĩ mô và Kinh tế vi mô. *Kinh tế vĩ mô* nghiên cứu hoạt động của toàn bộ tổng thể rộng lớn của nền kinh tế như tăng trưởng kinh tế, sự biến động của giá cả và việc làm của cả nước ; cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái... Trong khi đó, *Kinh tế vi mô* lại nghiên cứu sự hoạt động của các tế bào trong nền kinh tế là các doanh nghiệp hoặc gia đình, nghiên cứu những yếu tố quyết định giá cả trong các thị trường riêng lẻ...

Tùy theo cách thức sử dụng mà kinh tế học được chia thành hai dạng là kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc. *Kinh tế học thực chứng* là việc mô tả và phân tích các sự kiện, những mối quan hệ trong nền kinh tế : Hiện nay, tỷ lệ lạm phát là bao nhiêu ? Nếu lạm phát giảm đi 2% thì thất nghiệp có tăng lên không và tăng bao nhiêu ? Còn *kinh tế học chuẩn tắc* lại đề cập đến mặt đạo lý được giải quyết bằng sự lựa chọn, chẳng hạn như : Tỷ lệ thất nghiệp cao đến mức độ nào thì chấp nhận được ? Có nên tăng chi phí quốc phòng không ? Có nên dùng thuế để lấy bớt thu nhập của người giàu bù cho kẻ nghèo không ? Những vấn đề này thường được tranh luận nhưng không bao giờ được giải quyết bằng khoa học hoặc bằng thực tiễn kinh tế. Kinh tế học thực chứng là để trả lời câu hỏi:"Là bao nhiêu ?","Là gì ?","Như thế nào ?" Còn kinh tế học chuẩn tắc là để trả lời câu hỏi:"Nên làm cái gì ?". Nghiên cứu kinh tế thường được tiến hành từ kinh tế học thực chứng rồi chuyển sang kinh tế học chuẩn tắc.

2. Những đặc trưng của kinh tế học

– Đặc trưng cơ bản và quan trọng của khoa kinh tế học *gắn liền với tiền đề nghiên cứu và phát triển của môn học này*. Đó là

việc kinh tế học nghiên cứu sự khan hiếm các nguồn lực một cách tương đối với nhu cầu kinh tế, xã hội. Nếu có thể sản xuất với số lượng vô hạn về mọi loại hàng hóa và thỏa mãn đầy đủ được mọi nhu cầu của con người, thì sẽ không có hàng hóa kinh tế và cũng không cần tiết kiệm hay nghiên cứu kinh tế học.

- Đặc trưng quan trọng thứ hai của kinh tế học là tính hợp lý của nó. Đặc trưng này thể hiện ở chỗ khi phân tích hoặc lý giải một sự kiện kinh tế nào đó, cần phải dựa trên những giả thiết nhất định (hợp lý) về diễn biến của sự kiện kinh tế này. Chẳng hạn, khi muốn phân tích xem người tiêu dùng muốn mua thứ gì, với số lượng bao nhiêu, kinh tế học đưa ra giả định là họ tìm cách mua được nhiều hàng hóa và dịch vụ nhất, với số thu nhập có hạn của mình. Để giải thích xem doanh nghiệp sản xuất cái gì, bao nhiêu và bằng cách nào, nó giả định là họ tìm cách tối đa hóa thu nhập của mình với những ràng buộc nhất định về các yếu tố sản xuất. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng tính chất hợp lý của những giả thiết này chỉ có ý nghĩa tương đối.

- Đặc trưng phổ biến thứ ba của kinh tế học là: kinh tế học là một bộ môn *nghiên cứu mặt lượng*. Việc thể hiện các kết quả nghiên cứu kinh tế bằng những con số có tầm quan trọng đặc biệt. Khi phân tích kết quả của các hoạt động kinh tế, nếu chỉ nhận định nó tăng lên hay giảm đi thì chưa đủ, mà còn phải xác định xem sự thay đổi đó là bao nhiêu.

- Đặc trưng thứ tư của kinh tế học là *tính toàn diện* và *tính tổng hợp* của nó, tức là khi xem xét các hoạt động và sự kiện kinh tế phải đặt nó trong mối liên hệ với các hoạt động và sự kiện kinh tế khác trên phương diện một nước, thậm chí trên phương diện nền kinh tế thế giới. Chẳng hạn, để chống lạm phát, Ngân hàng Trung ương của một nước nào đó quyết định giảm mức cung về

tiến. Kết quả là tổng cầu giảm và làm cho không chỉ giá cả giảm, mà cả sản lượng và việc làm đều giảm. Mặt khác, do giảm mức cung về tiền, nên đồng tiền nước này tăng giá, hàng xuất khẩu của họ trở nên đắt tương đối và hàng nhập khẩu của họ lại giảm tương đối. Do vậy, xuất khẩu ròng giảm, dẫn đến sản lượng và việc làm của nước này tiếp tục giảm, còn các nước có quan hệ buôn bán với nước này lại tăng được xuất khẩu, nên khuyến khích sản lượng và việc làm của nước họ....

- Đặc trưng cuối cùng của kinh tế học là các kết quả nghiên cứu kinh tế *chỉ xác định được ở mức trung bình*, vì những kết quả này phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khác nhau và không thể xác định được chính xác tất cả các yếu tố này.

3. Phương pháp luận nghiên cứu của kinh tế học

Khác với khoa học tự nhiên, khi nghiên cứu các hiện tượng kinh tế, người ta thường áp dụng phương pháp quan sát. Điều đó do các hiện tượng kinh tế hết sức phức tạp, thường xuyên biến động và chịu nhiều yếu tố tác động. Khi nghiên cứu cần phải thu thập các số liệu. Muốn biết xem lạm phát có xảy ra không, mức độ như thế nào, thì cần phải biết được số liệu về sự tăng lên của mức giá nói chung, nền kinh tế đang tăng trưởng hay suy thoái thì phải có số liệu về GNP...

Sau khi đã có số liệu, cần phải tiến hành phân tích với các phương pháp phân tích thích hợp. Đời sống kinh tế luôn diễn ra hết sức phức tạp với hàng ngàn loại giá cả và hàng triệu hộ gia đình, với vô vàn các mối quan hệ chằng chịt và đan xen với nhau. Một phương pháp vô cùng quan trọng trong nghiên cứu kinh tế là phương pháp trừu tượng hóa, bóc tách các nhân tố không định nghiên cứu (cố định các nhân tố này) để xem xét các mối quan

hệ kinh tế giữa những biến số cơ bản. Khi phân tích trừu tượng như vậy, việc sử dụng các phương pháp thống kê có ý nghĩa rất lớn.

Sau đó cần rút ra những kết luận, đối chiếu với thực tế, phát hiện ra những điểm bất hợp lý, đề ra các giả thiết mới, rồi lại kiểm nghiệm bằng thực tế để rút ra những kết luận sát thực hơn với đời sống kinh tế.

II. TỔ CHỨC KINH TẾ CỦA MỘT NỀN KINH TẾ HỖN HỢP

1. Ba chức năng cơ bản của một nền kinh tế

Tất cả các nền kinh tế quốc dân đều phải thực hiện ba chức năng cơ bản sau:

- Sản xuất ra những hàng hóa và dịch vụ nào, với số lượng bao nhiêu. Cơ sở của chức năng này là sự khan hiếm nguồn lực so với nhu cầu của xã hội. Nếu một nước có số lượng không hạn chế các nguồn lực kinh tế, thì không cần phải giải quyết vấn đề là xem sản xuất cái gì, tức là không có nhu cầu sản xuất đúng những thứ cần thiết hay những thứ mà mọi người muốn có. Nhiệm vụ chủ yếu mà bất kỳ nền kinh tế nào cũng cần phải giải quyết là, giảm đến mức tối thiểu sự lãng phí trong việc sản xuất ra những sản phẩm không cần thiết và tăng cường đến mức tối đa việc sản xuất ra những sản phẩm cần thiết.

- Các hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra như thế nào. Việc lựa chọn đúng đắn vấn đề này thông thường cũng đồng nghĩa với việc sử dụng số lượng đầu vào ít nhất để sản xuất ra một số lượng sản phẩm nhất định.

- Hàng hóa và dịch vụ được sản xuất cho ai hay sản phẩm

quốc dân được phân chia như thế nào cho các thành viên của xã hội.

Ba vấn đề nêu trên là những chức năng mà bất kỳ nền kinh tế nào cũng phải thực hiện, bất kể hình thức hay trình độ phát triển của nó như thế nào. Tất cả những chức năng này đều mang tính lựa chọn, bởi vì các nguồn lực cần thiết để sản xuất ra sản phẩm đều khan hiếm. Cơ sở cho sự lựa chọn này được thực hiện là:

- Tồn tại những cách sử dụng khác nhau các nguồn lực trong việc sản xuất ra những sản phẩm khác nhau.

- Tồn tại các phương pháp khác nhau để sản xuất ra một sản phẩm cụ thể.

- Tồn tại các phương pháp khác nhau để phân phối các hàng hóa và thu nhập cho các thành viên của xã hội.

Những cách thức để giải quyết ba vấn đề cơ bản nêu trên trong một nước cụ thể sẽ tùy thuộc vào lịch sử, hệ tư tưởng và chính sách của nước này.

2. Tổ chức kinh tế của nền kinh tế hỗn hợp

Các hệ thống kinh tế khác nhau có những cách tổ chức kinh tế khác nhau để thực hiện ba chức năng cơ bản của nền kinh tế. Lịch sử phát triển của loài người cho thấy có các kiểu tổ chức sau:

- Nền kinh tế tập quán truyền thống: Kiểu tổ chức tập quán truyền thống hay bản năng đã tồn tại dưới thời công xã nguyên thủy. Trong xã hội này, các vấn đề sản xuất cái gì, như thế nào và cho ai được quyết định theo tập quán truyền thống, được truyền từ thế hệ trước sang thế hệ sau.